



AUXSOL



SUNGROW



DYNES

JASOLAR



AESOLAR

SUNKEAN

LEADER

CƠ HỘI TRỞ THÀNH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI THIẾT BỊ ĐIỆN MẶT TRỜI



☎ 0979.038.943

🌐 hungvietgt.com

🏠 Số 16 TT4, KĐT Xuân Phương Tasco, P.Xuân Phương, Hà Nội.

Catalouge

AUXSOL BẮM TẢI



ASN-5SL-Plus



Model: ASN-5SL-Plus
Biến tần 1 pha hòa lưới kèm CT, Wifi Stick
2MPPT (16/16A), PV Max input 150%,
IP66, WIFI, AFCI, CT
Bảo hành 10 năm

ASN-10SL



Model: ASN-10SL
Biến tần 1 pha hòa lưới kèm CT, Wifi Stick
2MPPT (32A/16A), PV Max input 150%,
IP66, WIFI, AFCI, CT
Bảo hành 10 năm

ASN-6SL-Plus



Model: ASN-6SL-Plus
Biến tần 1 pha hòa lưới kèm CT, Wifi Stick
2MPPT (16/16A), PV Max input 150%,
IP66, WIFI, AFCI, CT
Bảo hành 10 năm

ASN-10TL-G2



Model: ASN-10TL-G2
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick,
meter 2MPPT (20/20A), PV Max input
150%, 1P66, WIFI,AFCI, CT, meter
Bảo hành 10 năm

ASN-20TL



Model: ASN-20TL
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 2MPPT (32/32A), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter Bảo hành 10 năm

ASN-40TL



Model: ASN-40TL
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 4MPPT (40A/40A/20A/20A), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter Bảo hành 10 năm

ASN-25TL-G2



Model: ASN-25TL-G2
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 2MPPT (32A/32A), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter Bảo hành 10 năm

ASN-50TL-G2



Model: ASN-50TL-G2
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 4MPPT (40A *4), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter Bảo hành 10 năm

ASN-30TL-G2



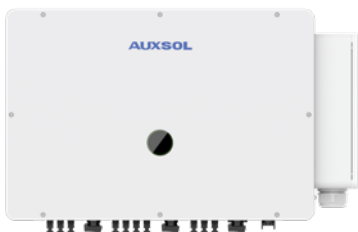
Model: ASN-30TL-G2
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 3MPPT (40A/32A/32A), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter Bảo hành 10 năm

ASN-75TL-G2



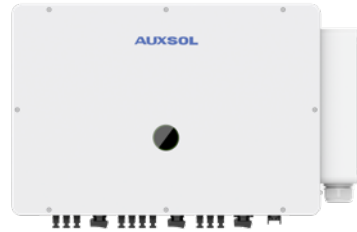
Model: ASN-75TL-G2
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 5MPPT (5*32A), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter Bảo hành 10 năm

ASN-99TL



Model: ASN-99TL
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 10MPPT (10*32A), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter
Bảo hành 10 năm

ASN-110TL



Model: ASN-110TL-PLUS
ASN-110TL-PLUS
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, Wifi Stick, Meter 8MPPT(8*40A), PV Max Input 150%, IP66, AFCI
Bảo hành 10 năm



AUXSOL HYBRID



ASG-6SL-ZL



Model: ASG-6SL-ZL- Hybrid
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:12Kw
|Công suất PV chuyển đổi:9Kw
Bảo hành 5 năm

ASG-6SL-ZL-G2



Model: Số MPPT: 2mppt Số string:2
Max PV input:12Kw
Công suất PV chuyển đổi:9Kw
Bảo hành 5 năm

ASG-8SL-ZL



Model: ASG-8SL-ZL
Số MPPT: 2mppt
Số string:4
Max PV input:16Kw
Công suất PV chuyển đổi:12Kw
Bảo hành 5 năm

ASG-12TL-ZL



Model: ASG-12TL-ZL
2MPPT, 4 String
Max PV input: 24KW
Max PV chuyển đổi: 18KW
Công suất hòa lưới: 12KW
Công suất backup: 12KW
Bảo hành 5 năm

ASG-10SL-ZL



Model: ASG-10SL-ZL
Số MPPT: 2mppt
Số string:4
Max PV input:20Kw
Công suất PV chuyển đổi:15Kw
Bảo hành 5 năm

ASG-15TL-ZL



Model: ASG-15TL-ZL
2MPPT, 4 String
Max PV input: 30KW
Max PV chuyển đổi: 22,5KW
Công suất hòa lưới: 15KW
Công suất backup: 15KW
Bảo hành 5 năm

ASG-10TL-ZL



Model: ASG-10TL-ZL
2MPPT, 4 String
Max PV input: 20KW
Max PV chuyển đổi: 15KW
Công suất hòa lưới: 10KW
Công suất backup: 10KW
Bảo hành 5 năm

ASG-15TL-ZH



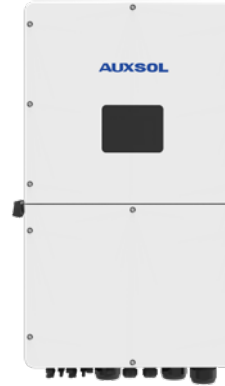
Model: ASG-15TL-ZH
2MPPT, 4 String
Max PV input: 30KW
Max PV chuyển đổi: 22.5KW
Công suất hòa lưới: 15KW
Công suất backup: 15KW
Bảo hành 10 năm

ASG-20TL-ZH



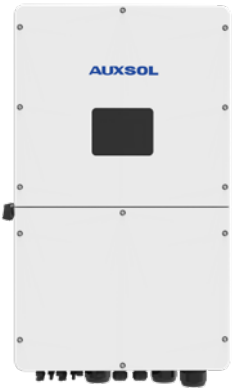
Model: ASG-20TL-ZH
2MPPT, 4 String
Max PV input: 40KW
Max PV chuyển đổi: 30KW
Công suất hòa lưới: 20KW
Công suất backup: 20KW
Bảo hành 10 năm

ASG-30TL-ZH



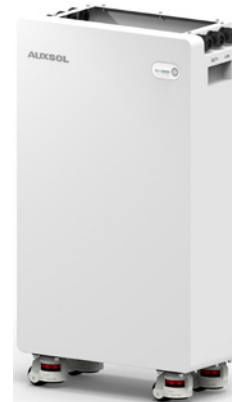
Model: ASG-30TL-ZH
3MPPT, 6 String
Max PV input: 60KW
Max PV chuyển đổi: 45KW
Công suất hòa lưới: 30KW
Công suất backup: 30KW
Bảo hành 10 năm

ASG-50TL-ZH



Model: ASG-50TL-ZH
4MPPT, 8 String
Max PV input: 100KW
Max PV chuyển đổi: 75KW
Công suất hòa lưới: 50KW
Công suất backup: 50KW
Bảo hành 10 năm

AUXSOL 16kWh IP65



Model No: ABL02-16L65
Dung lượng: 16,07 kWh
Usable Energy (DC): 14,46 kWh
DOD: 90%, Điện áp: 51,2V
Dòng sạc/xả liên tục (Max): 157A
Truyền thông: CAN / RS485 / Bluetooth
Cấp bảo vệ: IP65
Kháng ăn mòn: Tiêu chuẩn C5-M
Trọng lượng: ~120 kg, Cell LFP: 8,000 cycles
Bảo hành: 10 năm

SOLIS BẮM TẢI



S6-GR1P3K-M



Model: S6-GR1P3K-M
|Số MPPT: 1mppt |Số string:1
|Max PV input:4,5Kw
|Công suất hòa lưới:3Kw
Bảo hành 5 năm

S6-GR1P5K-S



Model: S6-GR1P5K-S
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:7,5Kw
|Công suất hòa lưới:5Kw
Bảo hành 5 năm

S6-GR1P6K-S



Model: S6-GR1P6K-S
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:9Kw
|Công suất hòa lưới:6Kw
Bảo hành 5 năm

S6 GR1P8K2



Model: S6 GR1P8K2
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:12Kw
|Công suất hòa lưới:8Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GR1P10K



Model: S5-GR1P10K
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:15Kw
|Công suất hòa lưới:10Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GR3P5K



Model: S5-GR3P5K
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:7,5Kw
|Công suất hòa lưới:5Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GR3P10K



Model: S5-GR3P10K
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:15Kw
|Công suất hòa lưới:10Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GR3P15K



Model: S5-GR3P15K
|Số MPPT: 2mppt |Số string:4
|Max PV input:22,5Kw
|Công suất hòa lưới:15Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GR3P20K



Model: S5-GR3P20K
|Số MPPT: 2mppt
|Số string:4 |Max PV input:30Kw
|Công suất hòa lưới:20Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC25K



Model: S5-GC25K
|Số MPPT: 3mppt
|Số string:6 |Max PV input:37,5Kw
|Công suất hòa lưới:25Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC30K



Model: S5-GC30K
|Số MPPT: 3mppt |Số string:6
|Max PV input:45Kw
|Công suất hòa lưới:30Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC40K



Model: S5-GC40K
|Số MPPT: 4mppt |Số string:8
|Max PV input:60Kw
|Công suất hòa lưới:40Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC50K



Model: S5-GC50K
|Số MPPT: 4mppt |Số string:8
|Max PV input:75Kw
|Công suất hòa lưới:50Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC60K



Model: S5-GC60K
|Số MPPT: 6mppt |Số string:12
|Max PV input:90Kw
|Công suất hòa lưới:60Kw
Bảo hành 5 năm

80K-5G-PRO



Model: Solis-80K-5G-PRO
|Số MPPT: 6mppt |Số string:12
|Max PV input:104Kw
|Công suất hòa lưới:80Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC80K



Model: S5-GC80K
Số MPPT: 9mppt
Số string: 18
Công suất hòa lưới:80Kw
Bảo hành 5 năm

3P100KW-5G PRO



Model: 3P100KW-5G PRO
|Số MPPT: 8mppt |Số string:16
|Max PV input:130Kw
|Công suất hòa lưới:100Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC110K



Model: S5-GC110K
|Số MPPT: 8mppt |Số string:16
|Max PV input:143Kw
|Công suất hòa lưới:110Kw
Bảo hành 5 năm

S6-GC125K



Model: S6-GC125K
|Số MPPT: 10mppt |Số string:20
|Max PV input:187,5Kw
|Công suất hòa lưới:125Kw
Bảo hành 5 năm

S6-GC3P150K07-NV-ND



Model: S6-GC3P150K07-NV-ND
|Số MPPT: 7mppt |Số string:21
|Max PV input:225Kw
|Công suất hòa lưới:150Kw
Bảo hành 5 năm



S6-EH1P5K-L-PLUS



Model: S6-EH1P5K-L-PLUS
2MPPT, 2 String
Max PV input: 10KW
Max PV chuyển đổi: 8KW
Công suất hòa lưới: 5KW
Công suất backup: 5KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P6K-L-PLUS



Model: S6-EH1P6K-L-PLUS
2MPPT, 2 String
Max PV input: 12KW
Max PV chuyển đổi: 9.6KW
Công suất hòa lưới: 6KW
Công suất backup: 6KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P8K-L-PLUS



Model: S6-EH1P8K-L-PLUS
2MPPT, 4 String
Max PV input: 16KW
Max PV chuyển đổi: 12.8KW
Công suất hòa lưới: 8KW
Công suất backup: 8KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P10K-L-PLUS



Model: S6-EH1P10K-L-PLUS
2MPPT, 4 String
Max PV input: 20KW
Max PV chuyển đổi: 16KW
Công suất hòa lưới: 10KW
Công suất backup: 10KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P12K03-NV-YD-L



Model: S6-EH1P12K03-NV-YD-L
3MPPT, 6 String
Max PV input: 24KW
Max PV chuyển đổi: 19.2KW
Công suất hòa lưới: 12KW
Công suất backup: 12KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P14K03-NV-YD-L



Model: S6-EH1P14K03-NV-YD-L
3MPPT, 6 String
Max PV input: 28KW
Max PV chuyển đổi: 22,4KW
Công suất hòa lưới: 14KW
Công suất backup: 14KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P16K03-NV-YD-L



Model: S6-EH1P16K03-NV-YD-L
3MPPT, 6 String
Max PV input: 32KW
Max PV chuyển đổi: 25,6KW
Công suất hòa lưới: 16KW
Công suất backup: 16KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P18K03-NV-YD-L



Model: S6-EH1P18K03-NV-YD-L
3MPPT, 6 String
Max PV input: 36KW
Max PV chuyển đổi: 28.8KW
Công suất hòa lưới: 18KW
Công suất backup: 18KW
Bảo hành 5 năm

S6-EL 1P5K-48



Model: S6-EL 1P5K-48
1MPPT, 2 String
Max PV input: 6,5 KW
Max PV chuyển đổi: 6,5 KW
Công suất backup: 5KW
Bảo hành 2 năm

S6-EH3P8K02-NV-YD-L



Model: S6-EH3P8K02-NV-YD-L
2MPPT, 3 String
Max PV input: 16KW
Max PV chuyển đổi: 12.8KW
Công suất hòa lưới: 8KW
Công suất backup: 8KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P10K02-NV-YD-L



Model: S6-EH3P10K02-NV-YD-L
2MPPT, 3 String
Max PV input: 20KW
Max PV chuyển đổi: 16KW
Công suất hòa lưới: 10KW
Công suất backup: 10KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P12K02-NV-YD-L



Model: S6-EH3P12K02-NV-YD-L
2MPPT, 4 String
Max PV input: 24KW
Max PV chuyển đổi: 19,2KW
Công suất hòa lưới: 12KW
Công suất backup: 12KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P15K02-NV-YD-L



Model: S6-EH3P15K02-NV-YD-L
2MPPT, 4 String
Max PV input: 30KW
Max PV chuyển đổi: 24KW
Công suất hòa lưới: 15KW
Công suất backup: 15KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P18K02-NV-YD-L



Model: S6-EH3P18K02-NV-YD-L
2MPPT, 4 String
Max PV input: 36KW
Max PV chuyển đổi: 28.8KW
Công suất hòa lưới: 18KW
Công suất backup: 18KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P10K2-H



Model: S6-EH3P10K2-H
2MPPT, 2 String
Max PV input: 20KW
Max PV chuyển đổi: 16KW
Công suất hòa lưới: 10KW
Công suất backup: 10KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P15K-H



Model: S6-EH3P15K-H
4MPPT, 4 String
Max PV input: 30KW
Max PV chuyển đổi: 24KW
Công suất hòa lưới: 15KW
Công suất backup: 15KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P20K-H



Model: S6-EH3P20K-H
4MPPT, 4 String
Max PV input: 40KW
Max PV chuyển đổi: 32KW
Công suất hòa lưới: 20KW
Công suất backup: 20KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P30K-H



Model: S6-EH3P30K-H
3MPPT, 6 String
Max PV input: 60KW
Max PV chuyển đổi: 48KW
Công suất hòa lưới: 30KW
Công suất backup: 30KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P40K-H



Model: S6-EH3P40K-H
4MPPT, 8 String
Max PV input: 80KW
Max PV chuyển đổi: 64KW
Công suất hòa lưới: 40KW
Công suất backup: 40KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P50K-H



Model: S6-EH3P50K-H
4MPPT, 8 String
Max PV input: 100KW
Max PV chuyển đổi: 96KW
Công suất hòa lưới: 50KW
Công suất backup: 50KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P80K10-NV-YD-H



Model: S6-EH3P80K10-NV-YD-H
10MPPT, 20 String
Max PV input: 160KW
Max PV chuyển đổi: 80KW
Công suất hòa lưới: 80KW
Công suất backup: 80kWW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P99.9K10-NV-YD-H



Model: S6-EH3P99.9K10-NV-YD-H
4MPPT, 8 String
Max PV input: 200KW
Max PV chuyển đổi: 160KW
Công suất hòa lưới: 100KW
Công suất backup: 100kWW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P125K10-NV-YD-H



Model: S6-EH3P125K10-NV-YD-H
4MPPT, 8 String
Max PV input: 240KW
Max PV chuyển đổi: 200KW
Công suất hòa lưới: 125KW
Công suất backup: 125KW
Bảo hành 5 năm

HUAWEI HYBRID VÀ PHỤ KIỆN



SUN2000-5KTL-LB0



Model: SUN2000-5KTL-LB0
Max DC power: 7.500(Wp)
Max DC Voltage: 600 (Vdc)
MPPT voltage range: 40-560 (Vdc)
Rated PV Input Voltage: 360 (Vdc)
Number of MPP tracker: 2
Max. Number of strings: 1
Max Charger: 6,000W
Bảo hành 10 năm

SUN2000-6KTL-LB0



Model: SUN2000-6KTL-LB0
Max DC power: 9,000(Wp)
Max DC Voltage: 600 (Vdc)
MPPT voltage range: 40-560 (Vdc)
Rated PV Input Voltage: 360 (Vdc)
Number of MPP tracker: 2
Max. Number of strings: 1
Max Charger: 6,000W
Bảo hành 10 năm

SUN2000-6KTL-LB0



Model: SUN2000-6KTL-LB0
Max DC power: 15,000(Wp)
Max DC Voltage: 600 (Vdc)
MPPT voltage range: 40-560 (Vdc)
Rated PV Input Voltage: 360 (Vdc)
Number of MPP tracker: 3
Max. Number of strings: 3
Bảo hành 10 năm

SUN2000-8K-LC0



Model: SUN2000-8K-LC0
Max DC power: 12,000(Wp)
Max DC Voltage: 600 (Vdc)
MPPT voltage range: 40-560 (Vdc)
Rated PV Input Voltage: 360 (Vdc)
Number of MPP tracker: 3
Max. Number of strings: 3
Bảo hành 10 năm

SUN2000-8K-MAP0



Model: SUN2000-8K-MAP0
Max DC power: 14,600(Wp)
Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
MPPT voltage range: 160 - 1,000 (Vdc)
Rated PV Input Voltage: 600 (Vdc)
Number of MPP tracker: 2
Max. Number of strings: 1
Max Charger: 12,000W
Bảo hành 10 năm

SUN2000-10K-MAP0



Model: SUN2000-10K-MAP0
Max DC power: 18,000(Wp)
Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
MPPT voltage range: 160 - 1,000 (Vdc)
Rated PV Input Voltage: 600 (Vdc)
Number of MPP tracker: 2
Max. Number of strings: 1
Max Charger: 12,000W
Bảo hành 10 năm

SUN2000-12K-MAP0



Model: SUN2000-12K-MAP0
Max DC power: 22,000(Wp)
Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
MPPT voltage range: 160 - 1,000 (Vdc)
Rated PV Input Voltage: 600 (Vdc)
Number of MPP tracker: 2
Max. Number of strings: 1
Max Charger: 12,000W
Bảo hành 10 năm

SUN2000-6KTL-LB0



SmartGuard-63A-T0
Điện áp định mức: 415VAC
Dòng tối đa từ lưới: 63A
Dòng tối đa từ Inverter: 60A
Dòng tối đa cho tải dự phòng: 63A
Dòng tối đa cho tải thường: 63A

SUN2000-8K-LC0



SmartGuard-63A-S0
Điện áp định mức: 240VAC
Dòng tối đa từ lưới: 63A
Dòng tối đa từ Inverter: 60A
Dòng tối đa cho tải dự phòng: 63A
Dòng tối đa cho tải thường: 63A

Thiết bị giám sát SDongleA-05



Model: Thiết bị giám sát SDongleA-05
SDongleA-05
Bộ kết nối hệ thống giám sát Fusion Solar

SmartPS-100A-S0



SmartPS-100A-S0
Tổ đấu dây: 1P2W
Điện áp: 176-288VAC
Dải đo: 0-100A
Kết nối Modbus-RTU
Kèm cảm biến dòng 100A/40mA

SmartPS-250A-T0



SmartPS-250A-T0
Tổ đấu dây: 3P4W / 3P3W
Điện áp: 176-288VAC
Dải đo: 0-250A
Kết nối Modbus-RTU
Kèm cảm biến dòng 250A /50mA

SmartLogger3000A00GL



Hỗ trợ tính năng Zero Export
Quản lý tối đa 80 bộ biến tần
Điều khiển công suất tác dụng và công suất phản kháng
Không có kết nối 4G

SmartLogger3000A01EU



Hỗ trợ tính năng Zero Export
Quản lý tối đa 80 bộ biến tần
Điều khiển công suất tác dụng và công suất phản kháng
Tích hợp kết nối 4G để truyền dữ liệu linh hoạt.



SUN2000-30KTL-M3



Model: SUN2000-30KTL-M3
Max DC power: 45,000(Wp)
Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
MPPT voltage range: 200 - 1,000 (Vdc)
Rated PV Input Voltage: 600(Vdc)
Number of MPP tracker: 4
Max. Number of strings: 8

SUN2000-50KTL-M3



Model: SUN2000-50KTL-M3
Max DC power: 75,000(Wp)
Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
MPPT voltage range: 200 - 1,000 (Vdc)
Rated PV Input Voltage: 600(Vdc)
Number of MPP tracker: 4
Max. Number of strings: 8

SUN2000-40KTL-M3



Model: SUN2000-40KTL-M3
Max DC power: 60,000(Wp)
Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
MPPT voltage range: 200 - 1,000 (Vdc)
Rated PV Input Voltage: 600(Vdc)
Number of MPP tracker: 4
Max. Number of strings: 8

SUN2000-100KTL-M2 (AFCI)



Model: SUN2000-100KTL-M2 (AFCI)
Max DC power: 150,000(Wp)
Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
MPPT voltage range: 200 - 1,000 (Vdc)
Rated PV Input Voltage: 600(Vdc)
Number of MPP tracker: 10
Max. Number of strings: 20

SUN2000-115KTL-M2



Model: SUN2000-115KTL-M2
Max DC power: 172,000(Wp)
Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
MPPT voltage range: 200 - 1,000 (Vdc)
Rated PV Input Voltage: 600(Vdc)
Number of MPPT tracker: 10
Max. Number of strings: 20

SUN2000-150K-MG0



Model: SUN2000-150K-MG0
Max DC power: 225,000(Wp)
Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
MPPT voltage range: 200 - 1,000 (Vdc)
Rated PV Input Voltage: 600(Vdc)
Number of MPPT tracker: 7
Max. Number of strings: 21



SUNGROW



GIẢI PHÁP LƯU TRỮ ĐIỆN THÔNG MINH
CHO MỌI NGÔI NHÀ



Sungrow - MG5RL



Model: MG5RL
Công suất AC định mức: 5kW (1 pha)
Công suất DC đầu vào tối đa: 8kWp
MPPT: 5 MPPT,
Công suất sạc tối đa: 5kW
Công suất xả tối đa: 5kW
Kích thước: 532 × 340 × 208 mm
Khối lượng: 18 kg
Bảo hành: 5 năm

Sungrow - MG6RL



Model: MG6RL
Công suất AC định mức: 6kW (1 pha)
Công suất DC đầu vào tối đa: 9.6kWp
Công suất backup: 6kVA
Công suất sạc tối đa: 6kW
Công suất xả tối đa: 6kW
Kích thước: 532 × 340 × 208 mm
Khối lượng: 18 kg
Bảo hành: 5 năm

PIN LITHIUM EASYWAY

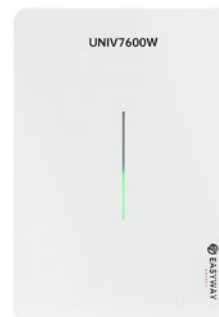


Easyway 5200



Model No: Easyway 5200
Dung lượng: 5,22kwh, DOD 90%
Điện áp: 51.2V
Dòng sạc/ xả liên tục (max) 50A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 41kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song lên tới 16 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-LV ST7600



Model: UNIV-LV ST7600
Dung lượng: 7,68 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng sạc/ xả liên tục (max) 75A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 62kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song lên tới 16 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-10kWhS



Model: UNIV-10kWh S
Dung lượng: 10,24 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng sạc/ xả liên tục (max) 100A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 94kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song 16 pack
Bảo hành 10 năm



UNIV-16 kWh (I)



Model: UNIV-16 kWh I
Dung lượng: 16 kWh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng sạc/ xả liên tục (max) 200A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 120kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song lên tới 20 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-16 kWh WP



Model: UNIV-16 kWh WP
Dung lượng: 16,08 kWh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng sạc/ xả liên tục (max) 200A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP65 trọng lượng 120kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song 20 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-10 kWh HV



Model: UNIV-10 kWh HV
Dung lượng: 10 kWh
Điện áp định mức: 384V
Dòng điện định mức 16A, DOD 90%
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP65 trọng lượng 88kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song 16 pack
Bảo hành 10 năm

EASYWAY 15 KWH



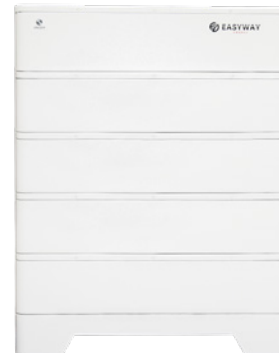
Model: Pin Lithium 15kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST15k
153.6V100Ah
Bảo hành 10 năm

EASYWAY 23 KWH



Model: Pin Lithium 23kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST23k
230.4V100Ah
Bảo hành 10 năm

EASYWAY 31 KWH



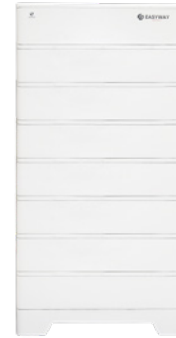
Model: Pin Lithium 31kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST31k
307.2V100Ah
Bảo hành 10 năm

EASYWAY 38 KWH



Model: Pin Lithium 38kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST38k
384V100Ah
Bảo hành 10 năm

Pin Lithium 46kWh



Model: Pin Lithium 46kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST46k
460.8V100Ah
bảo hành 10 năm

Pin Lithium 54kWh



Model: Pin Lithium 54kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST54k
537.6V100Ah

Pin Lithium 62kWh



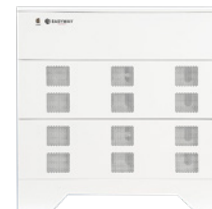
Model: Pin Lithium 62kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST62k
614.4V100Ah
Bảo hành 10 năm

Easyway UNIV-16kWh(H) - 16.08kWh



Model: Easyway UNIV-16kWh(H) 16,08kWh
1 BDU & BASE, 1 PACK 16,08 Kwh
IP 20
Bảo hành 10 năm, 8000 vòng sạc xả

Easyway UNIV-16kWh(H) - 32.15kWh



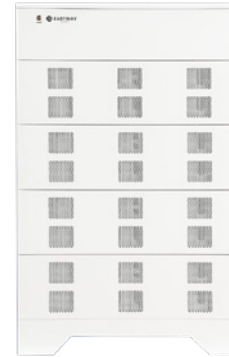
Model: Easyway UNIV-16kWh(H) 16,08kWh
1 BDU & BASE, 2 PACK 32.15Kwh
IP 20
Bảo hành 10 năm, 8000 vòng sạc xả

Easyway UNIV-16kWh(H) - 48.23kWh



**Model: Easyway UNIV-16kWh(H) 16,08kWh
1 BDU & BASE, 3 PACK 48.23Kwh
IP 20
Bảo hành 10 năm, 8000 vòng sạc xả**

Easyway UNIV-16kWh(H) - 64.31kWh



**Model: Easyway UNIV-16kWh(H) 16,08kWh
1 BDU & BASE, 4 PACK 64.31Kwh
IP 20
Bảo hành 10 năm, 8000 vòng sạc xả**

Easyway UNIV-16kWh(H) - 80.38KWh



**Model: Easyway UNIV-16kWh(H) 16,08kWh
1 BDU & BASE, 5P ACK 80.38kWh
IP 20
Bảo hành 10 năm, 8000 vòng sạc xả**

Easyway UNIV-16kWh(H) - 96.46kWh



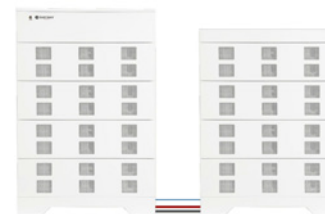
**Model: Easyway UNIV-16kWh(H) 16,08kWh
1 BDU & BASE, 6 PACK 96.46kWh
IP 20
Bảo hành 10 năm, 8000 vòng sạc xả**

Easyway UNIV-16kWh(H) - 112.54kWh



**Model: Easyway UNIV-16kWh(H) 16,08kWh
1 BDU & BASE, 7 PACK 112.54kWh
IP 20
Bảo hành 10 năm, 8000 vòng sạc xả**

Easyway UNIV-16kWh(H) - 128.61kWh



**Model: Easyway UNIV-16kWh(H) 16,08kWh
1 BDU & BASE, 8 PACK 128.61kWh
IP 20
Bảo hành 10 năm, 8000 vòng sạc xả**

TỦ ĐIỆN LƯU TRỮ 100KWH



Model: ESS 100kWh
Dung lượng pin: 100 kWh
Điện áp hệ pin: 358 V, dải 313–403 V.
Sạc/xả tối đa: 55 kW – 140 A.
Chu kỳ: ≥ 8000, bảo hành 10 năm pin.
Kích thước 750×2200×1100 mm,
nặng 1120 kg, IP65.

TỦ PIN LƯU TRỮ 261KWH



Model: ESS 261kWh
Dung lượng pin: 261 kWh
Điện áp danh định: 832
Công suất định mức: 314 Ah
Chu kỳ: ≥ 8000, bảo hành 10 năm pin.
Kích thước 1055×2300×1300 mm,
nặng 2770 kg, IP54.

PIN LITHIUM DYNESS

LEARN MORE



DYNESS DL5.0C



Model: DL5.0C
Dung lượng: 5kWh, Điện áp: 51.2V
Dòng sạc/ xả liên tục (max) 50A (75A)
Truyền thông: CAN2.0/ RS485/ RS232
IP20 trọng lượng 50kg
Cell LFP >=8000 cycles
Bảo hành 7 năm

DYNESS POWER BRICK



Model: Power Brick
Dung lượng: 14.336kWh
Điện áp: 51.2V - 280 Ah
Dòng sạc/ xả liên tục (max) 140A (200A)
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 114kg
Bảo hành 10 năm.

DYNESS TOWER T7



Model: Tower T7
1 BDU & BASE, 2 PACK HV9637
Dung lượng: 7.1kwh
DOD 95%. Điện áp: 192V
Công suất sạc xả liên tục 4.26kW
Truyền thông: CAN2.0/RS485/Wifi/LAN
IP54 trọng lượng 105kg
Cell LFP >6000 cycles
Bảo hành 10 năm.

DYNESS TOWER T17



Model: Tower T17
1 BDU & BASE, 5 PACK HV9637
Dung lượng: 17.76 kwh
DOD 95%, Điện áp: 480V
Công suất sạc xả liên tục 10.65kW
Truyền thông: CAN2.0/RS485/Wifi/LAN
IP54 trọng lượng 187kg
Cell LFP > 6000 cycles
Bảo hành 10 năm

DYNESS TOWER T10



Model: Tower T10
1 BDU & BASE, 3 PACK HV9637
Dung lượng: 10.66 kwh
DOD 95%. Điện áp: 288V
Công suất sạc xả liên tục 6.39kW
Truyền thông: CAN2.0/RS485/Wifi/LAN
IP65 trọng lượng 146kg
Cell LFP > 6000 cycles
Bảo hành 10 năm

DYNESS TOWER T21



Model: Tower T21
1 BDU & BASE, 6 PACK HV9637
Dung lượng: 21.31 kwh
DOD 95%, Điện áp: 576V
Công suất sạc xả liên tục 12.78kW
Truyền thông: CAN2.0/RS485/Wifi/LAN
IP65 trọng lượng 228kg
Cell LFP > 6000 cycles
Bảo hành 10 năm.

DYNESS TOWER T14



Model: Tower T14
1 BDU & BASE, 4 PACK HV9637
Dung lượng: 14.33 kwh
DOD 95%, Điện áp: 384V
Công suất sạc xả liên tục 8.52kW
Truyền thông: CAN2.0/RS485/Wifi/LAN
IP54 trọng lượng 187kg
Cell LFP > 6000 cycles
Bảo hành 10 năm

STACK100

Tailored for light C&I ESS
indoor needs

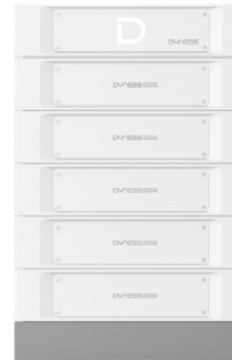


Dyness Stack100 15,36 Kwh



Model: Dyness Stack100 15,36 Kwh
1 BDU & BASE, 3 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 15,36 kwh
DOD 95%, Điện áp: 153,6 V
Công suất sạc xả liên tục 7,68kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 25,6 Kwh



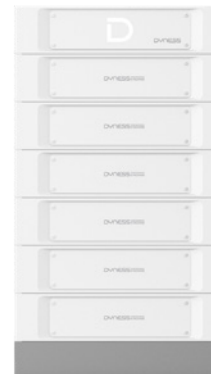
Model: Dyness Stack100 25,6 Kwh
1 BDU & BASE, 5 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 25,6 kwh
DOD 95%, Điện áp: 256 V
Công suất sạc xả liên tục 12,8 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 20,48 Kwh



Model: Dyness Stack100 20,48 Kwh
1 BDU & BASE, 4 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 20,48 kwh
DOD 95%, Điện áp: 204,8 V
Công suất sạc xả liên tục 10,24kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 30,72 Kwh



Model: Dyness Stack100 30,72 Kwh
1 BDU & BASE, 6 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 30,72 kwh
DOD 95%, Điện áp: 307,2 V
Công suất sạc xả liên tục 15,36 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 35,84 Kwh



Model: Dyness Stack100 35,84 Kwh
1 BDU & BASE, 7 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 35,84 kwh
DOD 95%, Điện áp: 358,4 V
Công suất sạc xả liên tục 17,92 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 51,2 Kwh



Model: Dyness Stack100 51,2 Kwh
1 BDU & BASE, 10 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 51,2kwh
DOD 95%, Điện áp: 512 V
Công suất sạc xả liên tục 25,6 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 40,96 Kwh



Model: Dyness Stack100 40,96 Kwh
1 BDU & BASE, 8 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 40,96 kwh
DOD 95%, Điện áp: 409,6 V
Công suất sạc xả liên tục 20,48 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 56 Kwh



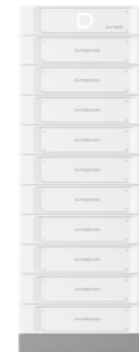
Model: Dyness Stack100 56 Kwh
1 BDU & BASE, 11 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 51,2kwh
DOD 95%, Điện áp: 512 V
Công suất sạc xả liên tục 25,6 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 46,08 Kwh



Model: Dyness Stack100 46,08 Kwh
1 BDU & BASE, 9 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 46,08 kwh
DOD 95%, Điện áp: 460,8 V
Công suất sạc xả liên tục 23,04 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 61 Kwh

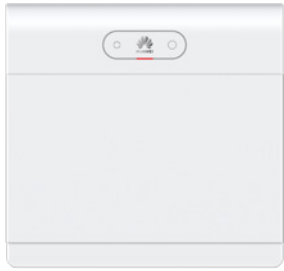


Model: Dyness Stack100 61 Kwh
1 BDU & BASE, 12 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 51,2kwh
DOD 95%, Điện áp: 512 V
Công suất sạc xả liên tục 25,6 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

PIN LITHIUM HUAWEI



LUNA2000-7-S1



Model: LUNA2000-7-S1

Công nghệ pin: Lithium iron Phosphate

(LiFePO4)- Dung lượng: 6.9kWh

Kích thước: 590x255x510mm

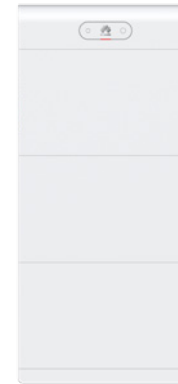
Trọng lượng: 80kg

Công suất xả tối đa: 3,5kW

Giao thức: RS485/FE/CAN

Bảo hành 10 năm

LUNA2000-21-S1



Model: LUNA2000-21-S1

Công nghệ pin: Lithium iron Phosphate (LiFePO4)

Dung lượng: 20,7kWh

Kích thước: 590x255x1230 mm

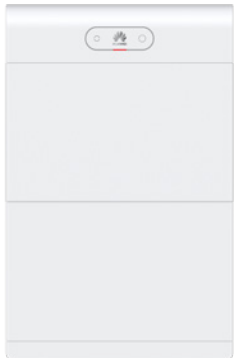
Trọng lượng: 216 kg

Công suất xả tối đa: 10,5kW

Giao thức: RS485/FE/CAN

Bảo hành 10 năm

LUNA2000-14-S1



Model: LUNA2000-14-S1

Công nghệ pin: Lithium iron Phosphate

(LiFePO4)- Dung lượng: 13,8kWh

Kích thước: 590x255x870 mm

Trọng lượng: 148 kg

Công suất xả tối đa: 7kW

Giao thức: RS485/FE/CAN

Bảo hành 10 năm

TẮM PIN JA



460w

JAM54D40/LB

(1762mmX1134mm)

595w

JAM72D40/MB

(2278mmX1134mm)

620w

JAM66D45/LB

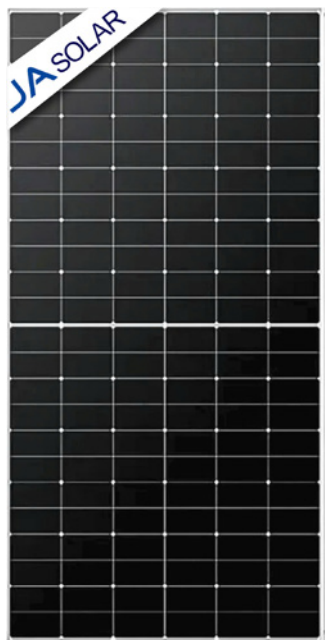
(2382mmX1134mm)

640w

JAM72D42/LB

(2465mmX1134mm)

JA SOLAR 620w



**JA 620 W hai mặt kính
hiệu suất 23,0%**

JA SOLAR 625w



**JA 625 W hai mặt kính
hiệu suất 23,1%**

JA SOLAR 635w



**JA 635 W hai mặt kính
hiệu suất 22,7%**

JA SOLAR 640w

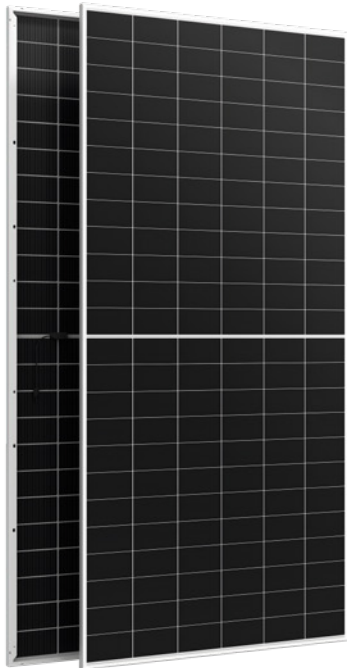


**JA 640 W hai mặt kính
hiệu suất 22,9%**

TẮM PIN AIKO

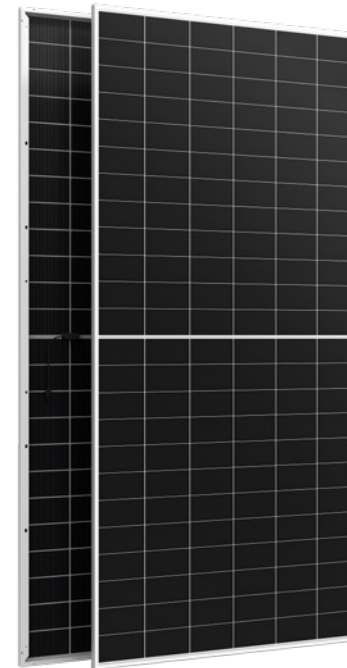


AIKO SOLAR 650w



Model: AIKO SOLAR 650w
công suất 650Wp/tấm, hiệu suất 24,1%

AIKO SOLAR 655w



Model: AIKO SOLAR 655w
công suất 655Wp/tấm, hiệu suất 24,6%

Wood Mackenzie
Grade A

TIER 1
BloombergNEF

SMM TIER 1
GLOBAL TIER 1 AWARD

Deutsche
Qualität
Garantiert



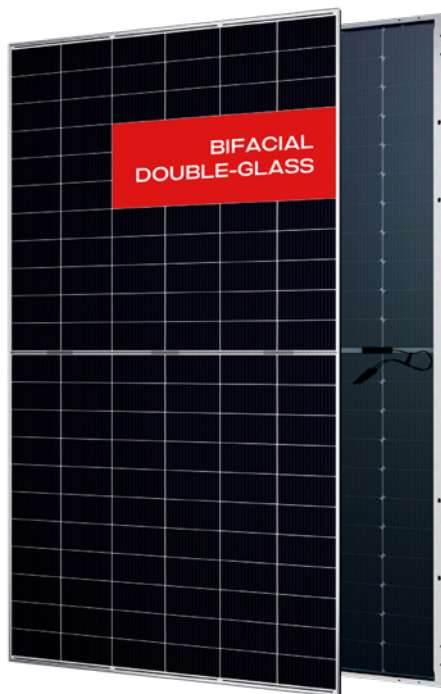
TẮM PIN AE SOLAR

AE SOLAR 630w



Model: AE SOLAR 630w
công suất 630Wp/tấm, hiệu suất 23.34%

AE SOLAR 700w



Model: AE SOLAR 700w
công suất 700Wp/tấm, hiệu suất 22.57%

AE SOLAR 730w



Model: AE SOLAR 730w
công suất 730Wp/tấm, hiệu suất 23.53%

CÁP SUNKEAN 4MM



Model: CÁP SUNKEAN 4mm²
Độ dày cách điện (mm) - 0.70
Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80
Đường kính cáp (mm) - 5.50
Điện trở dẫn điện tối đa (Ω /km, 20°C) - 5.09
Bảo hành 10 năm

CÁP SUNKEAN 10MM

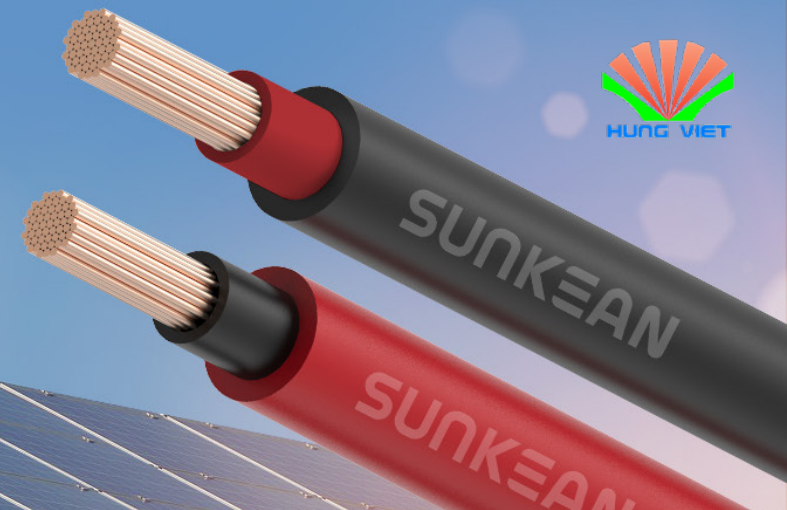


Model: CÁP SUNKEAN 10mm²
Độ dày cách điện (mm) - 0.70
Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80
Đường kính cáp (mm) - 7.20
Điện trở dẫn điện tối đa (Ω /km, 20°C) - 1.95
Bảo hành 10 năm

CÁP SUNKEAN 6MM



Model: CÁP SUNKEAN 6mm²
Độ dày cách điện (mm) - 0.70
Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80
Đường kính cáp (mm) - 6.10
Điện trở dẫn điện tối đa (Ω /km, 20°C) - 3.39
Bảo hành 10 năm



CÁP LEADER



CÁP LEADER 4MM



Model: Cáp Leader 4mm²

Độ dày cách điện (mm) - 0.70

Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80

Đường kính cáp (mm) - 5.50

Điện trở dẫn điện tối đa(Ω /km, 20°C - 5.09

Bảo hành 5 năm

CÁP LEADER 10MM



Model: Cáp Leader 10mm²

Độ dày cách điện (mm) - 0.70

Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80

Đường kính cáp (mm) - 7.20

Điện trở dẫn điện tối đa(Ω /km, 20°C - 1.95

Bảo hành 5 năm

CÁP LEADER 6MM



Model: Cáp Leader 6mm²

Độ dày cách điện (mm) - 0.70

Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80

Đường kính cáp (mm) - 6.10

Điện trở dẫn điện tối đa(Ω /km, 20°C - 3.39

Bảo hành 5 năm



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ XANH HÙNG VIỆT

-  Trụ sở: Số 16 TT4, KĐT Xuân Phương Tasco, P.Xuân Phương, Hà Nội.
-  Hotline: 0979.038.943
-  Website: hungvietgt.com
-  Fanpage: facebook.com/hungviettech